TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Bích Vân

Ông Lý Quang Ngọc.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2026/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị L, sinh năm 1983, đăng ký thường trú tại: Thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020183******, ngày cấp: 28/10/2025, nơi cấp: Bộ Công an; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn C, sinh năm 1985, cư trú tại: Thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020085******, ngày cấp: 20/01/2025; nơi cấp: Bộ Công an; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/4/2026 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Chu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Chu Thị L và anh Phan Văn C không được tự do tìm hiểu nhau mà do gia đình hai bên mai mối, quen biết nhau, anh chị tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ vào năm 2001 và sinh con đầu lòng năm 2003. Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại

Uỷ ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Uỷ ban nhân dân xã K, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 20/3/2008. Trong thời gian chung sống anh chị không hạnh phúc do không hiểu nhau, không cùng quan điểm sống. Đến cuối năm 2008 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì anh Phan Văn C không quan tâm, chăm lo cho chị Chu Thị L và các con mà còn ngoại tình với người phụ nữ khác. Vì các con nên chị Chu Thị L nhẫn nhịn, chịu đựng không ly hôn. Cho đến năm 2016, sau khi chị Chu Thị L sinh con thứ ba thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn vì anh Phan Văn C tiếp tục ngoại tình, hắt hủi mẹ con chị. Chị Chu Thị L không chịu đựng được nữa nên đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống. Từ năm 2016 đến nay, chị Chu Thị L và anh Phan Văn C sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Chị Chu Thị L và con về nhà em trai ruột của chị Chu Thị L là Chu Văn N, địa chỉ tại thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Còn anh Phan Văn C vẫn sống tại thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Chu Thị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, không hòa giải được mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị Chu Thị L được ly hôn với anh Phan Văn C.

Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Phan Văn C có 03 (ba) con chung là cháu Phan Văn D, sinh ngày 14/11/2003, cháu Phan Thanh B, sinh ngày 07/01/2008 và cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016. Cháu Phan Văn D và cháu Phan Thanh B đã trên 18 tuổi nên chị Chu Thị L không yêu cầu Tòa án xem xét. Sau khi ly hôn chị Chu Thị L có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị L không yêu cầu anh Phan Văn C cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Chu Thị L là lao động tự do và làm nông nghiệp với gia đình có thu nhập khoảng 8.000.000 đồng – 9.000.000 đồng/tháng, có thời gian chăm sóc, dạy bảo con chung, có chỗ ở tại nhà em trai ruột là Chu Văn N, địa chỉ tại: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chu Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn anh Phan Văn C nhưng anh Phan Văn C không tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2026, ông Phan Văn C1 là bố đẻ của anh Phan Văn C cung cấp thông tin như sau: Năm 2001 ông tổ chức hôn lễ cho anh Phan Văn C và chị Chu Thị L. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng ông tại thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn một thời gian sau đó đầu năm 2005 hai vợ chồng ra ở riêng, cách nhà ông không xa lắm. Thời gian đầu chung sống hai vợ chồng tình cảm bình thường, không có mâu thuẫn lớn. Đến khoảng năm 2018 anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do chị Chu Thị L đi lao động ở nước ngoài,

vài năm sau anh Phan Văn C đi làm công ty ở xa, khoảng cách xa nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng có 03 (ba) người con chung là cháu Phan Văn D, sinh năm 2003, cháu Phan Thanh B, sinh năm 2008 và cháu Phan Tuấn A, sinh năm 2016. Cháu Phan Tuấn A đang ở cùng chị Chu Thị L ở nhà ngoại tại thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Anh Phan Văn C đi làm xa thỉnh thoảng mới về, ông điện cho anh Phan Văn C, mở loa ngoài, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã K, đại diện thôn L thì anh Phan Văn C nói không nhất trí ly hôn với chị Chu Thị L, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị Chu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Tuấn A, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phan Văn C đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng do bận đi làm nên anh không lên Tòa án được, anh nói mặc kệ cho chị Chu Thị L tự làm các thủ tục ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2026, ông Dương Văn L1 - phó thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin như sau: Sau khi kết hôn chị Chu Thị L và anh Phan Văn C sinh sống tại thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2018 chị Chu Thị L đi lao động ở nước ngoài đến khoảng năm 2025 mới về, còn anh Phan Văn C đi làm công ty thỉnh thoảng có về nhà tại thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng như thế nào thì ông không nắm được.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2026 cháu Phan Tuấn A có nguyện vọng được ở cùng với chị Chu Thị L và mong muốn được chị Chu Thị L nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị L vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Chu Thị L và anh Phan Văn C quen biết nhau do gia đình hai bên mai mối và tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ vào năm 2001 và sinh con đầu lòng năm 2003. Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Uỷ ban nhân dân xã K, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 20/3/2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Từ cuối năm 2008, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Phan Văn C không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vì các con nên chị Chu Thị L nhẫn nhịn, chịu đựng không ly hôn. Cho đến năm 2016, sau khi chị Chu Thị L sinh con thứ ba thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Từ năm 2016 đến nay, chị Chu Thị L và anh Phan Văn C sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm gì đến

nhau. Do đó, chị Chu Thị L xin ly hôn với anh Phan Văn C là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị L được ly hôn với anh Phan Văn C.

Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Phan Văn C có 03 (ba) con chung là cháu Phan Văn D, sinh ngày 14/11/2003, cháu Phan Thanh B, sinh ngày 07/01/2008 và cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016. Cháu Phan Văn D và cháu Phan Thanh B đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, vì vậy đề nghị không xem xét. Sau khi ly hôn chị Chu Thị L có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị L không yêu cầu anh Phan Văn C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2026, ông Phan Văn C1, bố đẻ anh Phan Văn C trình bày anh Phan Văn C có ý kiến nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì đồng ý để chị Chu Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Tuấn A cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Phan Văn C chưa cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 28/4/2026 cháu Phan Tuấn A có nguyện vọng được ở cùng với chị Chu Thị L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016 cho chị Chu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Chu Thị L không yêu cầu. Anh Phan Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị L vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phan Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để cung cấp tài liệu, lời khai ý kiến của mình và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn L, xã K, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị L và anh Phan Văn C quen biết nhau do gia đình hai bên mai mối và tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ vào năm 2001 và sinh con đầu lòng năm 2003. Vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Uỷ ban nhân dân xã K, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 20/3/2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Từ cuối năm 2008, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không hoà giải được. Đến năm 2016, sau khi chị Chu Thị L sinh con thứ ba thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Từ năm 2016 đến nay, chị Chu Thị L và anh Phan Văn C sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù anh Phan Văn C trình bày không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tham gia tố tụng tại Toà án. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị Chu Thị L và anh Phan Văn C đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị L.

[4] Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Phan Văn C có 03 (ba) con chung là cháu Phan Văn D, sinh ngày 14/11/2003, cháu Phan Thanh B, sinh ngày 07/01/2008 và cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016. Cháu Phan Văn D và cháu Phan Thanh B đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, chị Chu Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn chị Chu Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Phan Văn C cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Chu Thị L có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc, dạy bảo con chung, có chỗ ở tại nhà em trai ruột là Chu Văn N, địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn; trong thời gian ly thân đến nay, cháu Phan Tuấn A do chị Chu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2026, ông Phan Văn C1, bố đẻ anh Phan Văn C trình bày anh Phan Văn C có ý kiến nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì đồng ý để chị Chu Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Tuấn A cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 28/4/2026 cháu Phan Tuấn A có nguyện vọng được sống cùng chị Chu Thị L. Xét thấy chị Chu Thị L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016 cho chị Chu Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Chu Thị L không yêu cầu. Anh Phan Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung: Chị Chu Thị L trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Chu Thị L trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Chu Thị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị L được ly hôn với anh Phan Văn C. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2008, ngày 20/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Phan Văn C có 03 (ba) con chung là cháu Phan Văn D, sinh ngày 14/11/2003, cháu Phan Thanh B, sinh ngày 07/01/2008 và cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016. Cháu Phan Văn D và cháu Phan Thanh B đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giao con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 10/5/2016 cho chị Chu Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Chu Thị L không yêu cầu. Anh Phan Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Chu Thị L được miễn toàn bộ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5-Lạng Sơn
- Phòng THADS khu vực 5-Lạng Sơn;
- UBND xã K, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nông Thị Huyền Trang